|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH TUYÊN QUANG  **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: /BC-SKHCN  **DỰ THẢO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023* |

# **BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động của chính sách xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật,**

**đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp**

**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 12/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND).

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Sở Khoa học và Công nghệ đã tích cực tuyên truyền Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND với nhiều hình thức như: Đăng trên Trang thông tin điện tử của Sở, tuyên truyền, lồng ghép triển khai tại các hội nghị, Hội thảo; tuyên truyền trên Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; gửi văn bản đề nghị UBND các huyện, thành phố phối hợp triển khai; trực tiếp làm việc với một số doanh nghiệp để tuyên truyền và hướng dẫn.

Với 10 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND đã được triển khai thực hiện theo đúng quy định và đi vào cuộc sống; đã hỗ trợ nhiều doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh hiệu quả, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND tập trung vào 05 nhóm chính gồm: (1) Nghiên cứu khoa học (đề tài, dự án cấp nhà nước, cấp tỉnh, cấp cơ sở); ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ tiên tiến; (2) Hoạt động chuyển giao công nghệ; đổi mới, cải tiến công nghệ; ươm tạo công nghệ; (4) Hoạt động xác lập quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp ở trong và ngoài nước (thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu); (5) Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (gồm: Xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận hợp quy).

Giai đoạn 2015 - 2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai, thực hiện Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND đạt hiệu quả, đã có 26 doanh nghiệp, cá nhân được hỗ trợ với tổng kinh phí 5.255 triệu đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh, trong đó: Năm 2015: hỗ trợ 621,93 triệu đồng cho 03 doanh nghiệp; năm 2016: hỗ trợ 1.208 triệu đồng cho 08 hồ sơ của 05 doanh nghiệp và 03 cá nhân; năm 2017-2018: hỗ trợ 950 triệu cho 03 doanh nghiệp; năm 2018-2019: hỗ trợ 620 triệu đồng cho 03 doanh nghiệp; năm 2019-2020: hỗ trợ 635 triệu cho 02 doanh nghiệp; năm 2020-2021: hỗ trợ 1.080 triệu cho 03 doanh nghiệp; năm 2022: hỗ trợ 140 triệu đồng cho 05 hồ sơ của 04 doanh nghiệp, 01 cá nhân.

Tuy nhiên, sau 10 năm triển khai thực hiện đến nay Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND còn một số hạn chế, bất cập như sau:

(1) Hạn chế trong nội dung Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND:

- Số doanh nghiệp, tổ chức cá nhân được Nghị quyết hỗ trợ chưa nhiều, kinh phí hỗ trợ thấp (Giai đoạn 2013-2022 có 26 doanh nghiệp, cá nhân được hỗ trợ; định mức hỗ trợ thấp, trung bình 300 triệu đồng/01 đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; 100 triệu đồng/hỗ trợ 01 doanh nghiệp đổi mới công nghệ; hỗ trợ xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng 10 triệu đồng/01 doanh nghiệp;...)

- Một số nội dung hỗ trợ chưa thu hút được tổ chức, cá nhân tham gia. Một  
số mức hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động KH&CN thấp không còn phù hợp nên không thu hút được các doanh nghiệp tham gia (định mức hỗ trợ 10 triệu đồng để đăng ký bảo hộ sáng chế hoặc giải pháp hữu ích; 03 triệu đồng/kiểu dáng công nghiệp; 2 triệu đồng/nhãn hiệu, hỗ trợ xây dựng Tiêu chuẩn cơ sở 2 triệu đồng/tiêu chuẩn...).

- Hoạt động hỗ trợ để đánh giá chứng nhận, công bố hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận, công bố hợp quy đối với sản phẩm xuất khẩu không phù hợp với tình hình thực tế do trên địa bàn tỉnh không có các doanh nghiệp có các sản phẩm để xuất khẩu.

- Số lượng các văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp (Bằng độc quyền/Giấy chứng nhận) đối với các đối tượng trên địa bàn tỉnh còn rất ít. Chưa thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo còn hạn chế, chưa hình thành được hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương

(2) Về tính phù hợp với các quy định của Trung ương:

Trong thời gian qua, Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành nhiều chiến lược, chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2030. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND là cần thiết để cập nhật các nội dung, mức hỗ trợ phù hợp các chiến lược, chương trình quốc gia về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; đổi mới sáng tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Cụ thể các văn bản như:

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

- Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030.

- Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ (SHTT) đến năm 2030.

- Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

- Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng.

- Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

- Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030.

- Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

- Quyết định số 2282/QĐ-BKHCN ngày 13/9/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 19/4/2022 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025

- Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 31/5/2022 thực hiện Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 -2026.

(3) Để kịp thời triển khai thực hiện các văn bản mới ban hành của Trung ương và giải quyết những khó khăn từ thực tế triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND như đã trình bày ở trên; việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là rất cần thiết, nhằm hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thúc đẩy sản xuất, kinh doanh hiệu quả, tiếp tục có nhiều đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Tuyên Quang.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

***2.1. Mục tiêu tổng thể***

Ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND cho phù hợp với các quy định của Trung ương mới ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND được ban hành nhằm đảm bảo nguồn lực và cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện chủ trương, định hướng về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp, doanh nhân tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ứng dụng hiệu quả các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong hoạt động sản xuất và đời sống.

***2.2. Mục tiêu cụ thể***

- Xây dựng nội dung hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh theo đúng các quy định hiện hành, tạo điều kiện thúc đẩy, phát triển các doanh nghiệp, doanh nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng mức hỗ trợ theo các quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách của tỉnh.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1. Hỗ trợ bảo hộ tài sản trí tuệ**

***1.1. Vấn đề bất cập***

- Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh chưa nhiều định mức hỗ trợ còn thấp, đặc biệt là về sáng chế, giải pháp hữu ích và giống cây trồng,...).

- Một số nội dung hỗ trợ chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp, cá nhân tham gia như hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý,.... do định mức hỗ trợ còn thấp.

- Nhiều nội dung quy định hỗ trợ mới có đã được quy định tại các văn bản của Bộ, ngành, trung ương chưa được xây dựng để hỗ trợ, như: Ngày 9/9/2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2021/TT-BTC quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, trong đó nêu rõ: “Điều 6. Nhiệm vụ thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước: Đối với nhiệm vụ do địa phương quản lý, căn cứ vào các công việc có liên quan, điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương để thực hiện”.

***1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Chỉnh sửa chính sách (nội dung và định mức) để phù hợp với quy định tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính; đồng thời, khuyến khích, thu hút được các doanh nghiệp, doanh nhân tham gia.

- Phát huy giá trị, hiệu quả kinh tế - xã hội của các sáng chế, giải pháp hữu ích; các sản phẩm, hàng hoá chủ lực, đặc sản của tỉnh; khuyến khích xây dựng, tạo lập, phát triển nâng cao giá trị sản phẩm, hàng hoá chủ lực, đặc sản địa phương thông qua bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; tăng cường bảo vệ, phát triển các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được xác lập quyền.

***1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng nội dung theo Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp, cụ thể:

+ Tăng mức hỗ trợ đối với đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu thông thường theo định mức tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC.

+ Bổ sung nội dung hỗ trợ đối với đăng ký chỉ dẫn địa lýtrong nước và nước ngoàitheo định mức tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC.

***1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.***

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng nội dung theo Nghị quyết số 31/2013: Nếu lựa chọn giải pháp giữ nguyên hiện trạng thì sẽ không giải quyết được những hạn chế, bất cập như đã đề cập ở trên. Các định mức áp dụng thấp hơn định mức quy định tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC, do đó không thúc đẩy hoạt động bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước.

- Giải pháp 2: Sửa đổi 1 số nội dung cho phù hợp với các quy định hiện hành, đồng thời thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước.

+ Tác động về kinh tế: Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cá nhân được sử dụng hiệu quả và tích cực hơn. Đồng thời, việc khuyến khích phát triển thương hiệu các sản phẩm, hàng hoá của tỉnh trên thị trường.

+ Tác động về xã hội: Việc tăng mức hỗ trợ và nội dung hỗ trợ có tác động tích cực trong việc khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền lợi, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo tính kế thừa, ổn định và nhất quán trong chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ.

***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn*** (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Để giải quyết những vấn đề bất cập trên, cần lựa chọn giải pháp 2 “sửa đổi một số nội dung và định mức cho phù hợp”, trong đó thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề:

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện.

**2. Chính sách 2.** Hỗ trợ Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, gồm: Hỗ trợ xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở; công cụ cải tiến, hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy; áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; đạt giải thưởng chất lượng;...”

***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND đã đưa ra chính sách: “ Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, gồm: Hỗ trợ xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy.” Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, cả nội dung và định mức hỗ trợ đều không còn phù hợp với các quy định hiện hành, cũng như tình hình phát triển kinh tế xã hội, do đó đề nghị sửa đổi lại cho phù hợp.

- Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) là giải thưởng chính thống thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ và được Thủ tướng Chính phủ trao tặng. Hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, giải thưởng Chất lượng khu vực, giải thưởng Chất lượng Quốc tế đã triển khai trên địa bàn tỉnh được hơn 10 năm. Tuy nhiên, đến nay có rất ít doanh nghiệp tham gia (Có 04 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia gồm: Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương, Công ty TNHH Xi măng Tân Quang, Công ty Cổ phần giấy An Hoà, Công ty TNHH MTV cơ khí hoá chất 13). Do vậy, cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia giải thưởng để nâng cao thương hiệu và giá trị của các sản phẩm của tỉnh (Theo Quy định tại điểm d khoản 2 mục II Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 30/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Giải thưởng chất lượng quốc gia).

- Cụ thể về nội dung hỗ trợ, tại Điều 9 Thông tư số 35/2021/TT-BTC có quy định: “Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế;...”. Bên cạnh đó, hiện Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND có đưa một số nội dung hỗ trợ chưa phù hợp, không đầy đủ theo Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

- Về mức kinh phí hỗ trợ được tham chiếu theo Điều 22 mục 3 điểm a; Điều 25 mục 4 điểm a của Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: “Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng hợp đồng/năm/doanh nghiệp”.

***2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Sửa đổi nội dung và định mức hỗ trợ cho, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

- Mức hỗ trợ tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia tham khảo các tỉnh thành phố đã thực hiện xây dựng và áp dụng (Các tỉnh Nam Định, Bắc Giang, Cao Bằng, Hà Tĩnh, Quảng Ninh…).

***2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng nội dung theo Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp, cụ thể:

+ Bổ sung một số nội dung hỗ trợ theo Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

+ Tăng mức hỗ trợ phù hợp với điểm a, b, d khoản 3 Điều 22; điểm a, b, c khoản 4 Điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

+ Bổ sung nội dung hỗ trợ Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương.

***2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.***

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng nội dung theo Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND: Nếu lựa chọn giải pháp giữ nguyên hiện trạng thì sẽ không giải quyết được những hạn chế, bất cập như đã đề cập ở trên. Các định mức áp dụng thấp hơn định mức quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, thiếu nội dung hỗ trợ quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC. Do đó, không khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp trong thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Giải pháp 2: Giải pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với các quy định hiện hành sẽ có các tác động tích cực như:

+ Tác động về kinh tế: Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cá nhân được sử dụng hiệu quả. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ như tích cực đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; có sản phẩm chất lượng, tham gia giải thưởng quốc gia, khu vực góp phần nâng cao thương hiệu, quảng bá sản phẩm.

+ Tác động về xã hội: Việc tăng mức hỗ trợ và nội dung hỗ trợ có tác động tích cực trong việc khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, góp phần phát triển doanh nghiệp, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động, góp phần nâng cao đời sống cho người lao động, đóng góp phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền lợi, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo tính kế thừa, ổn định và nhất quán trong chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ.

***2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)***

Để giải quyết những vấn đề bất cập trên cần lựa chọn giải pháp 2 “sửa đổi, bổ sung số nội dung cho phù hợp”, trong đó thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề:

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện.

**3. Chính sách 3.** Hỗ trợ doanh nghiệp khởi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

***3.1. Xác định vấn đề bất cập***

Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND chưa có chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động liên quan đến khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ để gia tăng nguồn lực tiếp tục sáng tạo, hoàn thiện sản phẩm theo như Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

***3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Hỗ trợ các hoạt động liên quan đến khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trong đó, thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp tục đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, hoàn thiện công nghệ sản xuất để duy trì sáng tạo trong doanh nghiệp sau khi đã hình thành sản phẩm khởi nghiệp.

***3.3. Giải pháp đề xuất***

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp 2: Bổ sung chính sách về “Hỗ trợ doanh nghiệp khởi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ”.

***3.4. Đánh giá tác động của giải pháp***

- Giải pháp 1: Nếu lựa chọn giải pháp giữ nguyên hiện trạng thì sẽ không  
giải quyết được những hạn chế, bất cập như đã đề cập ở trên; thiếu chính sách  
hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thì chưa thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại các Kế hoạch, Chiến lược trung ương và Bộ Khoa học và Công nghệ; sẽ không thúc đẩy gia tăng nguồn lực cho các doanh nghiệp sáng tạo, hoàn thiện sản phẩm.

- Giải pháp 2: Bổ sung chính sách về “Hỗ trợ doanh nghiệp khởi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ” sẽ có các tác động tích cực như:

+ Tác động về kinh tế: Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được sử dụng hiệu quả và tích cực hơn. Đồng thời, tạo động lực, gắn kết doanh nghiệp tích cực đổi mới sáng tạo; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, góp phần phát triển thương hiệu, ổn định thị trường.

+ Tác động về xã hội: Chính sách tác động trực tiếp và tích cực đến doanh  
nghiệp, góp phần hình thành các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh để nghiên cứu, triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ; thực hiện chuyển giao, thương mại hoá các thành tựu khoa khọc kỹ thuật mới vào sản xuất.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện,  
năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền lợi, lợi ích của mỗi giới do chính sách  
được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không làm phát sinh mới thủ  
tục hành chính.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo tính kế thừa, ổn định và  
nhất quán trong chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động  
khoa học và công nghệ. Việc bổ sung chính sách về “Hỗ trợ doanh nghiệp khởi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ” làm hoàn thiện hơn các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh theo đúng nội dung tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

***3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn*** (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Để giải quyết những vấn đề bất cập trên cần lựa chọn giải pháp “bổ sung  
chính sách về “Hỗ trợ doanh nghiệp khởi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ”, trong đó thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề:

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Các hình thức lấy ý kiến dự thảo Báo cáo đánh giá tác động: Dự thảo Báo  
cáo đánh giá tác động cùng với các hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết được lấy ý kiến bằng nhiều hình thức và nhiều đối tượng khác nhau.

- Dự thảo Báo cáo tác động được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của  
tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

- Dự thảo Báo cáo được đến Ủy ban mặt trân Tổ quốc tỉnh Tuyên Quang, các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố và Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh thông qua Hệ thống điều hành văn bản và một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (bằng văn bản) để lấy ý kiến góp ý.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Sở khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách;  
đồng thời, theo dõi, đánh giá hiệu quả, báo cáo UBND tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách xây dựng  
Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND tỉnh (Báo cáo);  - UB Mặt trận Tổ quốc tỉnh;  - Các sở, ban, ngành;  - UBND các huyện, thành phố; (Phối hợp)  - Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;  -Lãnh đạo Sở;  - Các phòng, đơn vi thuộc Sở;  - Lưu: VT, QLCN&TĐC(Đạt). | **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Đại Thành** |